

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 23/2021/DS-ST
Ngày: 03-3-2021;
V/v tranh chấp hợp đồng bảo
hiểm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Nguyễn Thanh Sang.**

- Ông **Nguyễn Văn Long.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên

Trong các ngày 02 tháng 3 và ngày 03 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Biện Bắc B**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: khóm 6, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Phước D, sinh năm 1997;

Địa chỉ: ấp 4, xã H, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: **Tổng công ty cổ phần B;**

Địa chỉ: Tầng 8- Tòa nhà Harec – Số 4A đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Xuân Th – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Nguyễn Minh H – Chức vụ: Trưởng phòng Giám định bồi thường - Công ty B.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 **Công ty B1;**

Địa chỉ: số 59C đường 30/4, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hoàng H – Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H – Chức vụ: Trưởng phòng Giám định bồi thường – Công ty B1;

3.2 Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K;

Trụ sở: số 191 phố B, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Hồ Tùng A** – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện ủy quyền: Ông Phạm Quang T – Chức vụ: Giám đốc Khối Quản trị ngân hàng – Ngân hàng TMCP K

Ông Phạm Quang T ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị L – Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh T.

Địa chỉ: số 44/46 Lê Lợi, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.3 Ông Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3.4 Bà Trần Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Ông D và ông H có mặt, các đương sự còn lại có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Phước D trình bày:

Ngày 12/7/2018, ông Biện Bắc B và Công ty B1 có ký hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới số 00003956/HĐ/0010-P.KD-04/XO/2018 để mua bảo hiểm cho xe ô tô tải biển số 71C-071.38 nhãn hiệu HINO, thời hạn hợp đồng bảo hiểm là 12 tháng tính từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/7/2019.

Ngày 25/9/2018 tại đoạn đường nhau giữa Quốc lộ 50 và Quốc lộ 1A, lái xe Hồ Ngọc Đ đã điều khiển xe ô tô tải biển số 71C-071.38 do không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước nên xảy ra tai nạn giao thông gây thiệt hại cho xe ô tô tải biển số 71C-071.38. Sau khi xảy ra tai nạn, tài xế Hồ Ngọc Đ được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân y 120. Bệnh viện Quân Y 120 đã kết luận vết thương của tài xế Hồ Ngọc Đ như sau: Vết thương bàn tay trái, chấn thương vai phải do tai nạn giao thông, nồng độ cồn trong máu là 2,44mg/dl.

Sau khi xảy ra tai nạn, ông B đã thông báo cho Công ty B1 phối hợp với Công an thành phố Mỹ Tho giải quyết yêu cầu của ông B. Khi nhận lại xe ô tô tải, ông B đã được Công ty B1 hướng dẫn đến Công ty TNHH T HINO - Chi nhánh Tiền Giang để sửa chữa xe ô tô nêu trên. Tổng chi phí sửa chữa xe ô tô tải biển số 71C-071.38 là 393.231.431 đồng.

Tổng công ty cổ phần B và Công ty B1 đã căn cứ vào khoản 4 Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B không chịu bồi thường cho ông B

Hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số 00003956/HĐ/0010-P.KD-04/XO/2018 được ký giữa ông Biện Bắc B và Công ty B1 không quy định điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Khi ông B ký hợp đồng, Công ty B1 không giải thích và không cung cấp cho ông B Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B. Đến khi Tổng công ty cổ phần B từ chối thanh toán tiền bảo hiểm, ông B mới được biết thông tin này.

Ông Biện Bắc B yêu cầu Tổng công ty cổ phần B và Công ty B1 hoàn trả số tiền 393.231.431 đồng và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là từ ngày 04/12/2018 đến ngày 19/9/2020 là 70.191.810 đồng. Ông B yêu cầu Tổng công ty cổ phần B và Công ty B1 hoàn trả tổng số tiền là 463.423.241 đồng.

* Tại bản tự khai và các lời trình bày tại tòa, đại diện ủy quyền của Tổng công ty cổ phần B và Công ty B1 ông Nguyễn Minh H trình bày:

Công ty B1 thừa nhận có cấp đơn bảo hiểm cho xe ô tô biển số 71C-071.38 như sau:

Ngày 12/7/2018, Công ty B1 trực thuộc Tổng công ty B cung cấp cho ông Biện Bắc B chủ xe ô tô tải biển số 71C-071.38 nhãn hiệu HINO bảo hiểm số TN 180142147, điều kiện bổ sung 02,05,06,07,14; thời hạn bảo hiểm từ 14 giờ ngày 12/7/2018 đến 14 giờ ngày 12/7/2019, giá trị tham gia bảo hiểm là 1.235.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 19.760.000 đồng.

Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B.

Trong quá trình ký hợp đồng, cán bộ Công ty B1 có giải thích quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm, quyền lợi và trách nhiệm của chủ xe cơ giới/lái xe khi tham gia bảo hiểm cho khách hàng, việc giải thích cho khách hàng chỉ được giải thích bằng lời nói không có lập biên bản. Đồng thời, Quy tắc nêu trên được Tổng công ty B đăng trên <https://www.pti.com> và nội dung này cũng đã được thể hiện ở mặt trước của giấy chứng nhận bảo hiểm. Công ty B1 giao hợp đồng và quy tắc cho ông B nhưng không có lập biên bản giao nhận.

Theo thông báo của lái xe Hồ Ngọc Đ: Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/09/2018 anh Hồ Ngọc Đ điều khiển xe ô tô biển số 71C-017.38 lưu thông trên Quốc lộ 1A theo hướng từ thành phố Mỹ Tho đi Bến Tre khi đến khu phố 2, phường 10, thành phố Mỹ Tho đã đâm vào đuôi xe đầu kéo đi trước gây tai nạn. Hậu quả làm xe ô tô biển số 71C-071.38 hư hỏng. Anh Hồ Ngọc Đ bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân Y 120. Nguyên nhân xảy ra tai nạn là do lái xe

Hồ Ngọc Đ thiếu chú ý quan sát va chạm với đuôi xe biển số 51D-254.78 kéo theo remoc biển số 51R-151.92. Căn cứ Công văn số 10/BV-KHTH ngày 16/11/2018 của Bệnh viện Quân Y 120 có nội dung: Lái xe Hồ Ngọc Đ *“Vào viện lúc 12 giờ 33 phút ngày 25/9/2018. Chuẩn đoán: Vết thương bàn tay trái + chấn thương vai phải do tai nạn giao thông. Xét nghiệm nồng độ cồn /máu: 2,44 mg/dl”*.

Tổng công ty cổ phần B và Công ty B1 đã căn cứ vào khoản 4 Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B không đồng ý bồi thường cho ông B.

Tổng Giám đốc công ty cổ phần B thống nhất với việc ông Biện Bắc B đã sửa chữa xe ô tô biển số 71C1-071.38 tại Công ty TNHH T HINO – Chi nhánh T. Tổng chi phí sửa chữa xe ô tô tài biển số 71C-071.38 với tiền là 393.231.431 đồng.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại văn bản gửi cho Tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K trình bày:

Ngày 19/11/2019, ông Biện Bắc B đã tắt toán hết toàn bộ nghĩa vụ trả vay cho ngân hàng và không còn nợ ngân hàng. Ngân hàng đã giải chấp tài sản bảo đảm cho ông B vào ngày 19/11/2019. Ngân hàng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm và ngân hàng xin được vắng mặt trong vụ kiện.

* Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Ngọc Đ trình bày:

Vào ngày 25/9/2019, ông có điều khiển xe ô tô tài biển số 71C1-071.38. Do ông không giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước nên đã để xảy ra tai nạn tại đoạn giao nhau giữa Quốc lộ 50 và Quốc lộ 1A. Ông bị thương và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Quân Y 120 và bệnh viện đã kết luận: Vết thương bàn tay trái + chấn thương vai phải do tai nạn giao thông. Xét nghiệm nồng độ cồn /máu: 2,44 mg/dl (chỉ số bình thường < 50.23mg/dl). Vào thời điểm xảy ra tai nạn, ông không có sử dụng rượu bia, chất kích thích. Công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét nghiệm nồng độ cồn trong khí thở không ghi nhận. Trên cơ sở đó, Công an thành phố Mỹ Tho ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với lỗi: *“Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy phía trước”* vi phạm quy định tại điểm g, khoản 3 Điều Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 25/5/2015 của Chính phủ. Ông xin được vắng mặt trong tất cả thủ tục tố tụng tại Tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Biện Bắc B đã trả xong nợ tại Ngân hàng TMCP K. Bà xin được vắng mặt cho đến khi vụ kiện được giải quyết xong.

Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tổng công ty cổ phần B trả cho nguyên đơn số tiền là 357.483.119 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 và Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm và Điều 405 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Ông Biện Bắc B yêu cầu Tổng công ty B thanh toán số tiền là 357.483.119 đồng tiền bảo hiểm do xe ô tô tải biển số 71C1-071.38 bị hư hỏng do tai nạn giao thông. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng hợp đồng bảo hiểm” theo Điều 12 Luật Kinh doanh bảo hiểm. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu Tổng công ty B thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 357.483.119 đồng. Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.748.312 đồng, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với Công ty B1 và không yêu cầu tính lãi. Việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với định pháp luật. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Biện Bắc B về việc yêu cầu Công ty B1 thanh toán tiền bảo hiểm, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 35.748.312 đồng và tiền lãi. Căn cứ Điều 2 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần B, Giấy phép điều chỉnh số 41A/GPĐC9KDBH cấp ngày 28/9/2012 và Điều 2, Điều 9 và Điều 11 của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty B1 ban hành kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTI ngày 04/10/2012 quy định Công ty bảo hiểm B1 trực thuộc Tổng công ty cổ phần B. Hội đồng xét xử xác định Công ty bảo hiểm B1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn đã thống nhất thừa nhận: Xe ô tô tải biển số 71C1-038.71 hiệu HINO do ông Biện Bắc B làm chủ đã được Tổng công ty B cấp giấy Chứng nhận bảo hiểm số TN 180142147,

điều kiện bổ sung 02,05,06,07,14; thời hạn bảo hiểm từ 14 giờ ngày 12/7/2018 đến 14 giờ ngày 12/7/2019, giá trị tham gia bảo hiểm là 1.235.000.000 đồng, phí bảo hiểm là 19.760.000 đồng. Đến khi xe ô tải biển số 71C1-071.38 xảy ra tai nạn vào ngày 25/09/2018 thì ô tải nêu trên vẫn còn trong thời hạn được bảo hiểm và việc xảy ra tai nạn là sự cố khách quan, không phải lỗi của ông Biện Bắc B và tài xế Hồ Ngọc Đ.

Theo khoản 4 Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc công ty cổ phần B quy định về việc “Loại trừ bảo hiểm” như sau: “*Lái xe trong tình trạng có nồng độ cồn trong máu hoặc khí thở, trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác bị cấm theo quy định của pháp luật.*” Khi xảy ra tai nạn ngày 25/09/2018, tài xế Hồ Ngọc Đ được Bệnh viện Quân y 120 xác nhận có nồng độ cồn cồ/máu: 2,44 mg/dl. Tài xế Hồ Ngọc Đ đã bị Công an thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt vi phạm hành chính với lỗi: “*Không giữ khoảng cách an toàn để xảy ra va chạm với xe chạy phía trước*”. Tổng công ty cổ phần B đã căn cứ việc tài xế Hồ Ngọc Đ có nồng độ cồn cồ/máu là 2,44 mg/dl để loại trừ bảo hiểm và không đồng ý bồi thường cho ông B. Mặc dù, Bệnh viện Quân Y 120 đã có Công văn số 763/BV-KHTH ngày 21/12/2020 xác định: “*Trong cơ thể người khi xét nghiệm nồng độ cồn sẽ có nồng độ cồn trong máu nhưng luôn <50.23mg/dl..... Nồng độ cồn trong máu 2,44mg/dl của tài xế Hồ Ngọc Đ ngày 25/8/2018 nằm trong giới hạn bình thường (dưới ngưỡng), không phải do sử dụng rượu bia hoặc thức uống có cồn gây ra*”. Tại Công văn số 08/TTPY-TCHC ngày 05/01/2021 của Trung tâm pháp y thành phố Hồ Chí Minh cũng đã xác nhận: “*Nồng độ cồn (Ethanol) trong trường hợp tài xế Hồ Ngọc Đ đề cập là 2,44mg/100ml máu thấp hơn trị số bình thường nên không ảnh hưởng đến phản xạ cũng như nhạy bén*”. Như vậy, tài xế Hồ Ngọc Đ có nồng độ cồn trong máu là 2,44 mg/dl được xem là bình thường nhưng Tổng công ty cổ phần B đã căn cứ và “Điều 2. Điều kiện bảo hiểm” của Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới số 00003956/HĐ/0010-P.KD-04/XO/2018 để viện dẫn đến khoản 4 Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 và loại trừ bảo hiểm, không đồng ý bồi thường cho ông B. Trong khi đó Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 lại có nhiều điều khoản quy định loại trừ bảo hiểm như: Điều 12 quy định những điểm loại trừ chung, Điều 16 quy định loại trừ bảo hiểm và điểm b Điều 43 cũng quy định về loại trừ bảo hiểm..... Nhưng khoản 2 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “Điều

khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm phải được quy định rõ trong hợp đồng bảo hiểm. Doanh nghiệp bảo hiểm giải thích rõ cho bên mua bảo hiểm khi giao kết hợp đồng.”. Các đương sự đều thống nhất thừa nhận hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo số TN 180142147 đều không có nội dung quy định cụ thể về điều khoản loại trừ bảo hiểm.

Mặc dù, tại Điều 7 của Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 quy định trách nhiệm của Công ty cổ phần B như sau: “1. *Giải thích cho Chủ xe cơ giới/Lái xe về Quy tắc, điều khoản, biểu phí bảo hiểm; quyền lợi và trách nhiệm của Chủ xe cơ giới/Lái xe khi tham gia bảo hiểm.*”. Tuy nhiên, ông Biện Bắc B cho rằng khi mua bảo hiểm ông không được nhân viên bán bảo hiểm hướng dẫn, giải thích gì về quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm. Ngoài ra, tại điểm a khoản 2 Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “*Doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ: Giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm: quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm*” và tại khoản 1 Điều 19 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định: “*Khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin đến hợp đồng bảo hiểm, giải thích điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho bên mua...*”. Đại diện ủy quyền của Công ty cổ phần B cho rằng nhân viên bán bảo hiểm của công ty đã giải thích quyền lợi và nghĩa vụ cho ông B biết khi ông B ký hợp đồng mua bảo hiểm, việc giải thích chỉ thực hiện bằng lời nói và không có lập thành văn bản.

Ngoài ra, ông B cho rằng ông không được nhận Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo nhận Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015. Về phía Tổng công ty B cho rằng Công ty đã cung cấp Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới cho ông B. Tuy nhiên việc giao nhận quy tắc nêu trên không được lập thành biên bản. Mặt khác, Chứng nhận bảo hiểm số TN 180142147 có ghi: “*Việc nhận GCNBH này được hiểu Chủ xe/lái xe đã được đọc và giải thích kỹ quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô xe và Quy tắc trợ cấp nằm viện cho người ngồi trên ô tô hiện hành được đăng tải trên www.pti.com.vn và biết quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia bảo hiểm*”. Do đó, ông B trình bày ông không được nhận Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới là có căn cứ.

Đồng thời, Hợp đồng bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm đều do công ty cổ phần B soạn theo mẫu, mẫu hợp đồng đã được soạn thảo theo tiêu chuẩn Iso. Điều 405 Bộ luật dân sự quy định như sau: “1. *Hợp đồng theo mẫu là hợp đồng gồm những điều khoản do một bên đưa ra theo mẫu để bên kia trả lời trong một thời gian hợp lý; nếu bên được đề nghị trả lời chấp nhận thì coi như chấp nhận toàn bộ nội dung hợp đồng theo mẫu mà bên đề nghị đã đưa ra.*”

Hợp đồng theo mẫu phải được công khai để bên được đề nghị biết hoặc phải biết về những nội dung của hợp đồng.

Trình tự, thể thức công khai hợp đồng theo mẫu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản không rõ ràng thì bên đưa ra hợp đồng theo mẫu phải chịu bất lợi khi giải thích điều khoản đó.

3. Trường hợp hợp đồng theo mẫu có điều khoản miễn trách nhiệm của bên đưa ra hợp đồng theo mẫu, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bên kia thì điều khoản này không có hiệu lực, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Đối chiếu với Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới số 00003956/HĐ/0010-P.KD-04/XO/2018 được ký giữa ông B và công ty bảo hiểm là hợp đồng theo mẫu do công ty cổ phần B đưa ra. “Điều 2. Điều kiện bảo hiểm” của hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới nêu trên chỉ quy định: “*Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm theo Quyết định số 82/2015/QĐ-CP ngày 18/03/2015 của Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bưu điện.*”. Như vậy, Điều 2 của Hợp đồng bảo hiểm vật chất xe cơ giới số 00003956/HĐ/0010-P.KD-04/XO/2018 không quy định rõ về việc loại bỏ quyền lợi của ông B nên điều khoản này không có hiệu lực theo quy định tại khoản 3 Điều 405 Bộ luật dân sự. Ngoài ra, tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn đã thống nhất việc: Ông B đã sửa chữa xe ô tô biển số 071C-071.38 tại Công ty TNHH T HINO Chi nhánh Tiền Giang theo đúng sự chỉ dẫn của nhân viên công ty B1 và chi phí sửa chữa xe là 357.483.119 đồng.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông B yêu cầu Tổng công ty B bồi thường cho ông số tiền sửa chữa xe ô tô biển số 71C-038.71 là 357.483.119 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát trình bày phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông B được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, ông B không phải chịu án phí sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty cổ phần B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 357, Điều 405 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 12, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19 và Điều 29 Luật Kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UNT-VQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Biện Bắc B về việc yêu cầu Công ty B1 trả tiền cho ông.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Biện Bắc B về việc yêu cầu công ty cổ phần B trả tiền lãi do chậm thanh toán.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Biện Bắc B.

Buộc Tổng công ty cổ phần B có nghĩa vụ trả cho ông Biện Bắc B số tiền bảo hiểm đối với ô tô tải biển số 71C-071.38 là 357.483.119 đồng (Ba trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười chín đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Biện Bắc B có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần B không trả số tiền nêu trên, Công ty cổ phần B còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty cổ phần B phải chịu 17.874.000 đồng (Mười bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Biện Bắc B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.568.465 đồng (Mười một triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm sáu mươi lăm đồng) theo biên lai thu số 0002232 ngày 19/10/2020 và biên lai thu số 0002379 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đương sự có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Mai Thị Mỹ Trang

